

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THẨM MỸ VÀ MỸ PHẨM SPAMALL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THẨM MỸ VÀ MỸ PHẨM SPAMALL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SPAMALL COSMETICS AND BEAUTY EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110638412

3. Ngày thành lập: 05/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 26 Ngõ 8/11/150/28 Đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0862875282

Fax:

Email: sales.spamall@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hoá (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm, dụng cụ y tế) Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ mua bán trang thiết bị y tế)	4659(Chính)
9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230

10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
11.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp, gồm: Sử dụng phương pháp vật lý trị liệu để xoa bóp (massage), tắm quất phục vụ sức khỏe con người.	9610
12.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
13.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
14.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
15.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
17.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phòng viên ảnh)	7420
18.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
19.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
20.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử (trừ hoạt động đấu giá, không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tuyến)	4791
21.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
22.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
23.	Hoạt động hậu kỳ (Loại trừ hoạt động báo chí)	5912

24.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ Hoạt động phát hành phim điện ảnh, chương trình truyền hình, hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5913
25.	Hoạt động chiếu phim	5914
26.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (loại trừ hoạt động xuất bản) Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
27.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (trừ loại cấm) Chi tiết: Sản xuất râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày	3290
28.	Xây dựng nhà để ở	4101
29.	Xây dựng nhà không để ở	4102
30.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
31.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế) Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 100.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH ĐỨC	Việt Nam	Thôn Quyết Thắng, Xã Y Can, Huyện Trần Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	50.000.000	50,000	015200006668	
2	BÙI XUÂN BẮC	Việt Nam	Tổ dân phố số 10, Thị trấn Cổ Phúc, Huyện Trần Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	50.000.000	50,000	015200008505	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 06/03/2024 đến ngày 05/04/2024

* Họ và tên: NGUYỄN MINH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015200006668

Ngày cấp: 25/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Quyết Thắng, Xã Y Can, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Quyết Thắng, Xã Y Can, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội